

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 24 - 7 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Nguyệt.

Bà Võ Thị Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1954; Địa chỉ: Nhà số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 và ông Phạm Văn B1, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị B và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Vào ngày 20/12/2022 bà có cho vợ chồng bà L và ông B1 vay 220.000.000 đồng, khi vay bà L có viết và có ký tên vào giấy biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất, không thế chấp tài sản. Từ khi vay đến nay bà L và ông B1 không trả được khoản tiền nào, đã nhiều lần bà yêu cầu bà L và ông B1 trả nợ gốc, lãi nhưng bà L và ông B1 không trả mà kéo dài đến nay. Do đó, bà Trần Thị B làm đơn khởi kiện yêu cầu bà L và ông B1 phải liên đới trả số tiền gốc vay là 220.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng từ khi vay đến nay, trả một lần trong thời gian sớm nhất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 20/12/2022 có vay của bà B 220.000.000 đồng để trả lãi cho người khác và đóng hụi đến nay chưa trả gốc, lãi cho bà B, việc bà vay nợ ông B1 chồng bà không biết nên ông B1

không có nghĩa vụ trả nợ. Nay bà B khởi kiện bà đồng ý trả theo yêu cầu của bà B nhưng xin bà B cho trả dần 3 vụ lúa sẽ tắt nợ vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đối với ông B1 sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Trần Thị B Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 22/TB-TLVA ngày 27/3/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 26/TB-TA ngày 27/3/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 38/TB-TA ngày 19/4/2023 đã tổng đạt hợp lệ cho ông B1 theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông B1 không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Trần Thị B, sinh năm 1954; Địa chỉ: Nhà số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 và ông Phạm Văn B1, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo dời ngày xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà L và ông B1 theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng bà L và ông B1 không có mặt. Do đó Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà L và ông B1 là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Trần Thị B khởi kiện bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1 yêu cầu bà L và ông B1 phải liên đới trả số tiền gốc được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bà Trần Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc vay là 220.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 20/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau: $220.000.000 \text{ đ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng}$ (tính tròn) = 12.782.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 232.782.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà B là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (biên nhận). Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1. Xử buộc bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền gốc vay tổng cộng là 232.782.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2] Đối với việc bà Nguyễn Thị L trình bày bà vay tiền bà B là tự bà vay ông B1 không biết, ông B1 không có liên quan trong khoản vay này, nên không

phải liên đới trả nợ cho bà B mà chỉ một mình bà L trả nợ cho bà B. Xét thấy, bà L với ông B1 là vợ chồng, vào thời điểm bà L vay tiền bà B thì bà L với ông B1 vẫn còn là vợ chồng hợp pháp, bà L vay tiền bà B sử dụng vào mục đích trả lãi cho người khác, đồng hụi, ông B1 không cung cấp chứng cứ chứng minh rằng bà L vay tiền bà B để sử dụng vào mục đích riêng của bà L. Vì vậy, lời trình bày của bà L là không phù hợp, không có chứng cứ chứng minh nên không được xem xét. Do đó, buộc ông B1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả nợ cho bà B là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 288 của Bộ luật dân sự.

[3] Đối với bị đơn Phạm Văn B1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho B1, nhưng B1 không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; Điều 463, Điều 466; Điều 488, Điều 288 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1.

Xử buộc bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền gốc, lãi tổng cộng là 232.782.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 11.639.000 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Trần Thị B báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn B1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiên Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiên Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

